|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN**  Số: /2025/TT-BCA | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO LẦN 2**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy,**

**cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân**

*Căn cứ* *Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;* *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ* *Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;* *Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ* *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân; kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy của lực lượng Công an nhân dân; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân.

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân**

1. Việc thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa phải bảo đảm nguyên tắc sau đây:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, quy định tại Thông tư này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy;

c) Nghiêm cấm lợi dụng công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy phải bảo đảm nguyên tắc sau đây:

a) Phân công cán bộ có năng lực phù hợp, bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của Bộ Công an để thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

b) Công tác tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy phải bảo đảm thường xuyên, kịp thời để đáp ứng yêu cầu công tác và nâng cao chất lượng cán bộ thực hiện công tác này;

c) Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đánh giá đúng năng lực, trình độ của cán bộ trong công tác kiểm tra nghiệp vụ thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

3. Công tác thường trực và kiểm tra thường trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Hoạt động thường trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo nguyên tắc tập trung mang tính chất của lực lượng vũ trang; tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệnh Công an nhân dân, dưới sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của lãnh đạo, chỉ huy đơn vị và cấp trên;

b) Bảo đảm sẵn sàng lực lượng, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác phục vụ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ kịp thời;

c) Thời gian thường trực của Công an các đơn vị, địa phương thực hiện theo chế độ 24/24 giờ hằng ngày để bảo đảm sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong mọi tình huống;

d) Công tác kiểm tra thường trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm an toàn, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ trong đánh giá tình hình, kết quả công tác tại đơn vị được kiểm tra. Nghiêm cấm lợi dụng việc kiểm tra để trục lợi, cản trở, gây khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đơn vị được kiểm tra.

**Điều 3. Phụ lục**

Ban hành kèm theo Thông tư này các phụ lục sau đây:

1. Phụ lục I: Biểu mẫu sử dụng trong thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân.

2. Phụ lục II: Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ giới.

3. Phụ lục III: Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy thông dụng.

4. Phụ lục IV: Bảo quản, bảo dưỡng trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân.

5. Phụ lục V: Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện cứu người.

6. Phụ lục VI: Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện, dụng cụ phá dỡ thô sơ.

7. Phụ lục VII: Bảo quản, bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ thông tin liên lạc.

8. Phụ lục VIII: Bảo quản, bảo dưỡng hệ thống báo cháy, chữa cháy; đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố; chất chữa cháy.

9. Phụ lục IX: Các biểu mẫu theo dõi hoạt động của phương tiện.

**CHƯƠNG II**

**KIỂM TRA VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY; THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY; TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ**

**PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ**

**Điều 4. Tiêu chuẩn cán bộ làm công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**

1. Đối với cán bộ làm công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy:

a) Cán bộ được phân công thực hiện công tác tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh phải có trình độ đại học trở lên nhóm ngành an ninh và trật tự xã hội hoặc đại học trở lên nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật và đã qua bồi dưỡng pháp luật, nghiệp vụ Công an nhân dân; có kết quả kiểm tra nghiệp vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đạt yêu cầu;

b) Cán bộ được phân công thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, quản lý địa bàn thuộc Công an cấp huyện phải có trình độ trung cấp trở nhóm ngành an ninh và trật tự xã hội hoặc trung cấp trở lên nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật và đã qua bồi dưỡng pháp luật, nghiệp vụ Công an nhân dân; có kết quả kiểm tra nghiệp vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đạt yêu cầu;

c) Cán bộ được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy thuộc Công an cấp xã phải có trình độ trung cấp trở lên nhóm ngành an ninh và trật tự xã hội hoặc trung cấp trở lên nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật và đã qua bồi dưỡng pháp luật, nghiệp vụ Công an nhân dân; được tập huấn nghiệp vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy.

2. Đối với cán bộ thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

a) Cán bộ trực tiếp thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trình độ đại học trở lên ngành phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, có kết quả kiểm tra nghiệp vụ thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đạt yêu cầu và có thời gian thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tối thiểu 05 năm;

b) Cán bộ trực tiếp thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc Công an cấp tỉnh có trình độ đại học trở lên ngành phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, có kết quả kiểm tra nghiệp vụ thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đạt yêu cầu và có thời gian thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tối thiểu 03 năm.

3. Đối với cán bộ huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm công tác nghiên cứu, tham mưu, hướng dẫn về nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc lãnh đạo cấp phòng và tương đương trở lên thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Là giảng viên hoặc lãnh đạo khoa chuyên ngành chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy;

c) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc chỉ huy cấp đội và tương đương trở lên thuộc Công an cấp tỉnh.

**Điều 5. Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**

1. Đối tượng tập huấn nghiệp vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy:

a) Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng Công an cấp huyện hoặc Phó trưởng Công an cấp huyện, Trưởng Công an cấp xã hoặc Phó trưởng Công an cấp xã, Đội trưởng hoặc Phó đội trưởng thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an cấp huyện đang được phân công, dự kiến phân công phụ trách công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy;

b) Cán bộ được phân công, dự kiến phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh và Công an cấp huyện;

c) Cán bộ được phân công, dự kiến phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy thuộc Công an cấp xã.

2. Đối tượng tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

a) Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

b) Đội trưởng hoặc Phó đội trưởng thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cán bộ được phân công, dự kiến phân công thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

3. Đối tượng huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an cấp huyện phụ trách công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Đội trưởng, Phó Đội trưởng các đội nghiệp vụ thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa, cháy và cứu nạn, cứu hộ, Đội trưởng, Phó Đội trưởng đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an cấp huyện được giao thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

d) Cán bộ làm công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

đ) Cán bộ, chiến sĩ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

e) Lái xe chữa cháy, xe cứu nạn, cứu hộ; lái tàu, xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

**Điều 6. Nội dung, thời gian, kinh phí tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**

1. Nội dung tập huấn nghiệp vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy bao gồm:

a) Công tác nghiệp vụ cơ bản, công tác hồ sơ nghiệp vụ phục vụ quản lý về phòng cháy, chữa cháy;

b) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Quy trình thực hiện nhiệm vụ về kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, xử phạt vi phạm hành chính, điều tra, giải quyết vụ cháy, kiểm tra, phối hợp kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

d) Nội dung khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy bao gồm:

a) Quy định của pháp luật về các nội dung liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư xây dựng;

b) Hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến yêu cầu thiết kế hệ thống phòng cháy và chữa cháy và hệ thống kỹ thuật khác liên quan của các loại hình công trình, phương tiện giao thông;

c) Công tác nghiệp vụ cơ bản và công tác hồ sơ, thống kê nghiệp vụ phục vụ công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

d) Quy trình và nội dung thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

đ) Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy;

e) Các nội dung khác có liên quan để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Nội dung huấn luyện nhiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Lý thuyết về kỹ thuật cá nhân; chiến thuật, kỹ thuật; đội hình chữa cháy, đội hình cứu nạn, cứu hộ; phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ; quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Lý thuyết về công tác chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

d) Thực hành huấn luyện thể lực;

đ) Thực hành kỹ thuật cá nhân về chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

e) Thực hành đội hình chữa cháy, đội hình cứu nạn, cứu hộ;

g) Thực hành kỹ thuật, chiến thuật chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

h) Thực hành thao tác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

i) Bổ túc tay lái cho lái xe chữa cháy, xe cứu nạn, cứu hộ; công tác sửa chữa phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Thời gian tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy cho các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 của Thông tư này lần đầu tối thiểu 32 giờ, tập huấn bổ sung hàng năm tối thiểu 16 giờ;

b) Huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

Huấn luyện thường xuyên cho các đối tượng quy định tại điểm c, đ, e khoản 3 Điều 5 Thông tư này được thực hiện hàng ngày trong ca thường trực (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ lễ).

Huấn luyện định kỳ cho các đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 5 Thông tư này một năm một lần, các đối tượng quy định tại điểm c, đ, e khoản 3 Điều 5 Thông tư này một năm hai lần.

Huấn luyện nâng cao cho các đối tượng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 5 Thông tư này một năm một lần; các đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 5 Thông tư này hai năm một lần.

5. Chương trình, thời gian huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Huấn luyện thường xuyên thực hiện tại đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ như sau:

Đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Thông tư này huấn luyện theo nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, h khoản 3 Điều này.

Đối với đối tượng quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 5 Thông tư này huấn luyện theo nội dung quy định tại các khoản a, b, d, đ, e, g, h khoản 3 Điều này.

Đối với đối tượng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Thông tư này huấn luyện theo nội dung quy định tại các khoản a, b, d, e, h, i khoản 3 Điều này;

b) Huấn luyện định kỳ thực hiện tại trung tâm huấn luyện hoặc tại trụ sở của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an cấp tỉnh như sau:

Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư này huấn luyện theo nội dung quy định tại các điểm a, c, g khoản 3 Điều này với tổng thời gian tối thiểu là 40 giờ (16 giờ lý thuyết, 24 giờ thực hành).

Đối với các đối tượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư này huấn luyện theo nội dung quy định tại các điểm a, c, g khoản 3 Điều này với tổng thời gian tối thiểu là 24 giờ (08 giờ lý thuyết, 16 giờ thực hành).

Đối với các đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Thông tư này huấn luyện theo các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 3 Điều này với tổng thời gian tối thiểu là 80 giờ (16 giờ lý thuyết, 64 giờ thực hành).

Đối với các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 5 Thông tư này huấn luyện theo nội dung quy định tại các điểm b, d, đ, e, g khoản 3 Điều này với tổng thời gian tối thiểu là 240 giờ (32 giờ lý thuyết, 208 giờ thực hành).

Đối với các đối tượng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Thông tư này huấn luyện theo nội dung quy định tại khoản i khoản 3 Điều này với tổng thời gian tối thiểu 80 giờ (16 giờ bổ túc tay lái, 64 giờ bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện);

c) Huấn luyện nâng cao thực hiện tại trung tâm huấn luyện của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an như sau:

Đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 5 Thông tư này huấn luyện theo nội dung quy định tại các điểm a, c, g khoản 3 Điều này với thời gian tối thiểu là 40 giờ.

Đối với các đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Thông tư này huấn luyện theo nội dung quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g khoản 3 Điều này với thời gian tối thiểu là 56 giờ.

Đối với các đối tượng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 5 Thông tư này huấn luyện theo nội dung quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h khoản 3 Điều này với thời gian tối thiểu là 120 giờ.

6. Ban hành kế hoạch, chương trình, giáo án và tổ chức huấn luyện:

a) Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm xây dựng giáo án huấn luyện theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và ban hành kế hoạch, chương trình, tổ chức huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

b) Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng giáo án huấn luyện theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; ban hành kế hoạch, chương trình, tổ chức huấn luyện định kỳ nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, đ, e khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

c) Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện có trách nhiệm xây dựng giáo án huấn luyện theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng quy định tại điểm c, đ, e khoản 3 Điều 5 Thông tư này phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị;

d) Việc tổ chức huấn luyện phải được ghi vào Sổ theo dõi công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Các trường hợp được miễn, hoãn tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

a) Trường hợp được miễn:

Đang trong thời gian điều trị bệnh hiểm nghèo; bệnh trong danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày.

Trong thời gian công tác biệt phái.

Có thông báo nghỉ chờ hưởng chế độ hưu trí.

Đang học tập trung tại học viện, trường trong và ngoài ngành Công an từ 12 tháng trở lên.

Phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

b) Trường hợp được hoãn:

Cán bộ, chiến sĩ bị ốm, đau, nghỉ đột xuất, đi công tác có xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc được lãnh đạo đơn vị cho nghỉ vào thời điểm tập huấn, huấn luyện. Các trường hợp được hoãn phải tham gia tập huấn, huấn luyện bổ sung trong kỳ tiếp theo đối với các nội dung chưa thực hiện.

8. Kinh phí tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

a) Kinh phí biên soạn, phát hành tài liệu tập huấn, tổ chức tập huấn, tổ chức kiểm tra được bố trí trong dự toán kinh phí thường xuyên của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

b) Kinh phí tổ chức huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Công an các đơn vị, địa phương được bố trí trong dự toán chi ngân sách chi an ninh hàng năm Bộ Công an giao cho Công an các đơn vị, địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Hàng năm, căn cứ kế hoạch tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành, Công an các đơn vị, địa phương lập dự toán, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của Công an các đơn vị, địa phương; thực hiện quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định của Nhà nước và Bộ Công an.

**Điều 7. Kiểm tra nghiệp vụ kiểm tra phòng cháy, chữa cháy**

1. Hàng năm Công an cấp tỉnh lập danh sách đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư này đã được tập huấn, đề nghị Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tổ chức kiểm tra nghiệp vụ kiểm tra phòng cháy và chữa cháy.

2. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm:

a) Thành lập Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy. Chủ tịch Hội đồng là Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, thành viên là đại diện lãnh đạo đơn vị nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm xây dựng quy chế, chuẩn bị đề kiểm tra phù hợp với đối tượng, nội dung chương trình tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, tổ chức kiểm tra, chấm điểm bài kiểm tra;

b) Thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm tổ chức, danh sách cán bộ tham gia kiểm tra;

c) Thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

3. Kết quả kiểm tra là một trong các điều kiện để xem xét phân công hoặc tiếp tục phân công lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và có giá trị 03 năm kể từ ngày thông báo kết quả kiểm tra. Trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu phải bố trí công tác khác phù hợp.

**Điều 8. Kiểm tra nghiệp vụ thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy**

1. Kiểm tra lần đầu đối với chỉ huy đội, cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này và đã được tập huấn theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này. Kiểm tra định kỳ 03 năm một lần đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này sau khi đã được đơn vị trực tiếp quản lý tập huấn theo quy định; Thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức, danh sách cán bộ tham gia kiểm tra theo đề nghị của Công an cấp tỉnh;

b) Thành lập Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. Chủ tịch Hội đồng là Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Thành viên Hội đồng là Phó Cục trưởng phụ trách, đại diện lãnh đạo các đơn vị nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm xây dựng quy chế, xây dựng hệ thống đề kiểm tra và đáp án phù hợp với nội dung chương trình tập huấn nghiệp vụ, tổ chức kiểm tra và chấm điểm;

c) Công khai kết quả kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

3. Công an cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, lập danh sách các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này đã được tập huấn và lập hồ sơ đề nghị Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ kiểm tra nghiệp vụ.

4. Kết quả kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy có giá trị 03 năm kể từ ngày thông báo kết quả kiểm tra. Cán bộ có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì không được bố trí thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

**Điều 9. Kiểm tra nghiệp vụ huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**

1. Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện:

a) Kiểm tra, đánh giá kết quả theo chương trình huấn luyện đã ban hành;

b) Kiểm tra kế hoạch, chương trình, giáo án, sổ theo dõi công tác huấn luyện, các điều kiện bảo đảm phục vụ công tác huấn luyện; kế hoạch kiểm tra, biên bản kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện, báo cáo công tác huấn luyện;

c) Kiểm tra, thẩm định kết quả huấn luyện theo báo cáo của đơn vị huấn luyện.

2. Tiêu chí đánh giá kết quả huấn luyện:

a) Cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này đạt yêu cầu phải bảo đảm: tham gia đầy đủ các nội dung huấn luyện; thời gian huấn luyện phải bảo đảm từ 80% trở lên; tham gia kiểm tra và đạt kết quả từ 50% tổng điểm trở lên;

b) Đơn vị đạt yêu cầu đối với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an cấp huyện phải có từ 90% cán bộ, chiến sĩ thuộc đối tượng huấn luyện tham gia đầy đủ nội dung, thời gian huấn luyện theo quy định và 80% cán bộ, chiến sĩ kiểm tra đạt yêu cầu trở lên;

c) Đơn vị, cá nhân chưa đạt yêu cầu là trường hợp chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này;

d) Cá nhân có kết quả kiểm tra chưa đạt yêu cầu phải kiểm tra lại nội dung chưa đạt yêu cầu;

đ) Kết quả huấn luyện của đơn vị, cá nhân là một trong các tiêu chí để nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị, cá nhân hàng năm.

3. Thẩm quyền kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện:

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thành lập hội đồng kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện nâng cao và kiểm tra, đánh giá kết quả công tác huấn luyện định kỳ, thường xuyên của Công an cấp tỉnh (sau đây gọi chung là hội đồng kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện).

Thành phần hội đồng kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện gồm: Lãnh đạo Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; đại diện lãnh đạo các đơn vị chức năng có liên quan thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quyết định;

b) Giám đốc Công an cấp tỉnh thành lập hội đồng kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện định kỳ và kiểm tra, đánh giá kết quả công tác huấn luyện thường xuyên đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Thành phần hội đồng kiểm tra, danh giá kết quả huấn luyện gồm: Lãnh đạo Công an cấp tỉnh; đại diện lãnh đạo các đơn vị chức năng có liên quan thuộc Công an cấp tỉnh do Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định;

c) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh ban hành quyết định thành lập hội đồng kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Hội đồng kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị đề kiểm tra phù hợp với nội dung huấn luyện; thông báo về thời gian, địa điểm kiểm tra; tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện theo kế hoạch, chương trình đã được phê duyệt;

b) Kết thúc kiểm tra, tổ chức họp đánh giá ưu, khuyết điểm, rút kinh nghiệm công tác tổ chức huấn luyện của đơn vị được kiểm tra; lập biên bản kiểm tra, đánh giá kết quả công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Thông báo kết quả kiểm tra đến đơn vị, cá nhân được kiểm tra, các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện và báo cáo cấp trên quản lý trực tiếp.

5. Cá nhân, đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm:

a) Chấp hành đầy đủ các quy định, yêu cầu của hội đồng kiểm tra;

b) Chuẩn bị đầy đủ nội dung kiểm tra theo yêu cầu của hội đồng kiểm tra;

c) Lưu biên bản kiểm tra theo quy định tại đơn vị được kiểm tra.

**Điều 10. Chế độ bồi dưỡng** **tham gia huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

1. Cán bộ chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân tham gia huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc đối tượng được hưởng chế độ bồi dưỡng quy định tại Thông tư này, đồng thời thuộc đối tượng được hưởng chế độ bồi dưỡng có cùng tính chất công việc quy định tại văn bản khác thì chỉ được hưởng chế độ bồi dưỡng ở mức cao nhất.

2. Khi thực hiện chế độ bồi dưỡng quy định tại Thông tư này thì không thực hiện mức tiền ăn định lượng cao theo quy định của Bộ Công an.

3. Việc tổ chức huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải có quyết định, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm căn cứ thực hiện chế độ bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ.

4. Chế độ bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân tham gia huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu được chi trả theo hình thức sử dụng mua thực phẩm bổ sung vào bữa ăn hoặc cấp phát bằng tiền mặt. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương căn cứ vào điều kiện thực tế của đơn vị và tính chất nhiệm vụ để quyết định hình thức chi trả phù hợp.

5. Chế độ bồi dưỡng trong huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

6. Đối tượng được hưởng chế độ bồi dưỡng:

a) Cán bộ, chiến sĩ thuộc đối tượng huấn luyện được quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này;

b) Cán bộ, chiến sĩ trực tiếp hướng dẫn, huấn luyện các nội dung huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Lãnh đạo, chỉ huy phụ trách công tác huấn luyện thuộc các đơn vị Cảnh sát PCCC và CNCH.

7. Thời gian tính hưởng chế độ bồi dưỡng:

Cán bộ, chiến sĩ lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH và các lực lượng khác trong Công an nhân dân tham gia huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng theo số ngày thực tế tham gia huấn luyện nhưng không quá 60 (sáu mươi) ngày trong một năm.

8. Cách tính chế độ bồi dưỡng:

Chế độ bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH và các lực lượng khác trong Công an nhân dân tham gia huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được tính theo công thức sau:

= x x

Mức lương cơ sở thực hiện theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang là 2.340.000 đồng). Khi Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở thì thực hiện theo quy định mới.

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, thuộc lực lượng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH tham gia huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong thời gian 60 ngày, mức tiền bồi dưỡng được hưởng như sau:

Tiền bồi dưỡng được hưởng = 0,1 x 2.340.000 x 60 = 14.040.000 đồng.

9. Nguồn kinh phí bồi dưỡng:

a) Kinh phí chi trả chế độ bồi dưỡng quy định tại Thông tư này được bố trí trong dự toán chi an ninh thường xuyên hằng năm Bộ giao cho Công an các đơn vị, địa phương hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

b) Hằng năm, Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện chế độ bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư này, tổng hợp vào dự toán chi hoạt động thường xuyên năm của đơn vị, địa phương và báo cáo về Bộ (qua Cục Kế hoạch và Tài chính). Cục Kế hoạch và Tài chính có trách nhiệm tổng hợp vào dự toán chi hoạt động thường xuyên năm của Bộ Công an gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành.

**Chương III**

**TRỰC SẴN SÀNG CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ,**

**TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

**Điều 11. Kiểm tra công tác trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

1. Kiểm tra báo động: theo dõi việc bảo đảm thời gian theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Thông tư này.

2. Kiểm tra lực lượng trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Quân số cán bộ, chiến sĩ trong ca trực;

b) Trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân của cán bộ, chiến sĩ trong ca trực;

c) Việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ trong ca trực theo quy định tại Điều 19 Thông tư này; triển khai đội hình chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo tình huống giả định.

3. Kiểm tra phương tiện trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Số lượng, tính đồng bộ, tình trạng hoạt động của các phương tiện trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Mức nhiên liệu, mức nước và lượng chất chữa cháy của các phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ giới;

c) Việc thực hiện quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Kiểm tra các điều kiện phục vụ công tác trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Nơi trực tiếp nhận thông tin báo cháy, sự cố, tai nạn quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này;

b) Việc quản lý, sử dụng phương án chữa cháy, phiếu chiến thuật chữa cháy; phương án cứu nạn, cứu hộ;

c)Việc bảo đảm về nhà để xe, bến bãi, nơi để phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thường trực và dự trữ.

5. Kiểm tra việc chấp hành Điều lệnh nội vụ Công an nhân dân; chương trình, kế hoạch công tác của đơn vị, cán bộ, chiến sĩ và việc tự kiểm tra trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của đơn vị.

**Điều 12. Tổ chức trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

1. Trực chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Tại Trung tâm Thông tin chỉ huy Bộ Công an: 01 đồng chí lãnh đạo Bộ;

b) Tại Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh: 01 đồng chí trong Ban Giám đốc;

c) Tại Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an cấp tỉnh: 01 đồng chí lãnh đạo Phòng;

d) Tại Đội Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp huyện: 01 đồng chí chỉ huy cấp Đội;

đ) Tại Công an cấp xã: 01 đồng chí chỉ huy Công an cấp xã.

2. Trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ:

a) Tại Trung tâm thông tin chỉ huy 114: mỗi ca trực bố trí tối thiểu 02 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có ít nhất 01 sĩ quan hoặc hạ sĩ quan có nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Tại Bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin của các đơn vị cấp Đội thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp huyện và Công an cấp xã mỗi ca trực bố trí tối thiểu 01 cán bộ, chiến sĩ.

3. Trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

Cán bộ, chiến sĩ trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được bố trí thành tổ trực tương ứng với đội hình chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ bản để điều khiển, vận hành, sử dụng các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đưa vào trực, cụ thể:

a) Đối với xe chữa cháy, xe cứu nạn, cứu hộ bố trí mỗi xe 01 tổ gồm 01 Tổ trưởng và 05 chiến sĩ;

b) Đối với tàu chữa cháy bố trí mỗi tàu 01 tổ gồm 01 Tổ trưởng và 08 chiến sĩ;

c) Đối với ca nô chữa cháy, ca nô cứu nạn, cứu hộ bố trí mỗi ca nô 01 tổ gồm 01 Tổ trưởng và 06 chiến sĩ;

d) Đối với xuồng chữa cháy, xuồng cứu nạn, cứu hộ bố trí mỗi xuồng 01 tổ gồm 01 Tổ trưởng và 03 chiến sĩ;

đ) Đối với các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới khác, căn cứ tính năng tác dụng của phương tiện và thiết kế của nhà sản xuất thì bố trí mỗi phương tiện 01 tổ gồm 01 Tổ trưởng và số lượng chiến sĩ theo thiết kế của nhà sản xuất.

**Điều 13. Thời gian tổ chức ca trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

1. Trực chỉ huy, trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được tổ chức một ca một ngày, bảo đảm trực 24/24 giờ.

2. Trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ được tổ chức thành nhiều ca trực hằng ngày do Thủ trưởng đơn vị căn cứ vào quân số và yêu cầu công tác chiến đấu của đơn vị quyết định.

3. Việc giao, nhận giữa hai ca trực được thực hiện hằng ngày, thời gian tính từ đầu giờ làm việc của ngày hôm trước đến đầu giờ làm việc của ngày hôm sau.

**Điều 14. Chế độ trực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

1. Cán bộ, chiến sĩ (trừ chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ trong Công an nhân dân) trực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã hoàn thành nhiệm vụ một ca trực 24/24 giờ được thực hiện chế độ nghỉ bù 01 ngày (24 giờ) vào ngày hôm sau hoặc vào thời điểm thích hợp do Thủ trưởng đơn vị quyết định.

2. Đối với cán bộ, chiến sĩ đã thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ từ 02 giờ trở lên vào ban đêm (từ 22 giờ đêm đến 6 giờ sáng ngày hôm sau) thì không phải tham gia huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong ngày hôm sau.

3. Cán bộ, chiến sĩ trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ ngoài giờ hành chính thì được nghỉ bù trong giờ hành chính. Thời gian nghỉ bù do Thủ trưởng đơn vị căn cứ vào quân số, yêu cầu công tác quyết định.

4. Cán bộ, chiến sĩ trực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được hưởng chế độ chính sách của lực lượng trực tiếp chiến đấu theo quy định pháp luật và Bộ Công an.

**Điều 15. Phương tiện trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**

1. Phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được trang cấp phải bố trí đưa vào trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Trường hợp cất giữ trong kho thì phải có phương án sẵn sàng sử dụng khi có lệnh điều động.

2. Các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đưa vào trực phải bảo đảm hoạt động, bảo đảm đồng bộ, đủ cơ số theo thiết kế của nhà sản xuất và phải sắp xếp gọn gàng, thuận tiện cho việc sử dụng.

3. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải được quản lý, bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ bảo đảm sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

**Điều 16. Tổ chức các hoạt động trong ca trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**

1. Giao, nhận giữa hai ca trực được thực hiện theo các nội dung sau:

a) Tập hợp và kiểm tra quân số của hai ca trực;

b) Trực chỉ huy của ca trực trước báo cáo, nhận xét tóm tắt tình hình, kết quả thực hiện các mặt công tác trong ca trực;

c) Tiến hành bàn giao giữa ca trực trước với ca trực sau; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ, từng cán bộ, chiến sĩ trong ca trực sau;

d) Cán bộ, chiến sĩ ca trực sau kiểm tra các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trực theo nhiệm vụ được chỉ huy giao;

đ) Việc giao, nhận ca trực phải được ghi chép vào Sổ giao, nhận ca trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Trong thời gian đang bàn giao ca trực mà nhận được tin báo cháy, tai nạn, sự cố thì ca trực trước nhanh chóng đi thực hiện nhiệm vụ và phân công ca sau trực tại đơn vị. Sau khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, chỉ huy đơn vị tiếp tục tổ chức bàn giao ca trực.

2. Trong thời gian trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải tổ chức huấn luyện nghiệp vụ, họp rút kinh nghiệm vụ cháy và cứu nạn, cứu hộ, học tập, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ cho cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp tổ chức huấn luyện, học tập, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ ở bên ngoài đơn vị thì phải duy trì thông tin liên lạc thông suốt với trực ban đơn vị để kịp thời điều động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Sau khi huấn luyện nghiệp vụ, học tập, thực tập phương án hoặc sau khi đi làm nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ về đến đơn vị, chỉ huy phải cho tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung nhiên liệu, nước, chất chữa cháy bảo đảm phương tiện luôn ở trạng thái trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

**Điều 17. Bảo đảm các điều kiện phục vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

1. Nơi trực tiếp nhận thông tin báo cháy, tai nạn, sự cố phải bố trí ở vị trí thuận lợi cho người trực tiếp đến báo tin, đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

a) Hệ thống thông tin liên lạc (máy điện thoại cố định tiếp nhận thông tin báo cháy, tai nạn, sự cố; máy bộ đàm) phải bảo đảm hoạt động thông suốt, liên tục; máy vi tính để tra cứu những thông tin cần thiết liên quan đến cơ sở, khu vực xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và các cơ quan, tổ chức, cơ sở có lực lượng, phương tiện có thể huy động tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo cháy được kết nối đến các cơ sở thuộc diện quản lý theo quy định;

c) Danh bạ điện thoại của lãnh đạo, chỉ huy các cấp và các đơn vị có liên quan cần liên hệ phục vụ công tác thông tin chỉ huy, huy động các lực lượng tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

d) Bản đồ hành chính thể hiện nguồn nước phục vụ chữa cháy, tuyến đường giao thông trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

đ) Sổ tiếp nhận thông tin báo cháy, tai nạn, sự cố;

e) Thiết bị hoặc dụng cụ phát tín hiệu báo động đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

g) Có nơi để các trang thiết bị phục vụ công tác chỉ huy, phương án và phiếu chiến thuật chữa cháy. Phiếu chiến thuật chữa cháy theo Mẫu số 04 kèm theo Thông tư này do đơn vị trực tiếp xây dựng theo phương án chữa cháy của cơ quan Công an sau khi được phê duyệt theo quy định và sao gửi cho cơ quan Công an có lực lượng, phương tiện tham gia trong phương án;

h) Máy vi tính soạn thảo tài liệu mật, máy vi tính kết nối mạng internet, máy in, máy fax, máy phô tô, camera, thiết bị chiếu sáng dự phòng và phương tiện, thiết bị khác phục vụ công tác tiếp nhận thông tin báo cháy, tai nạn, sự cố.

2. Địa điểm, nơi nghỉ của cán bộ, chiến sĩ trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải được bố trí ở vị trí dễ nhận tín hiệu báo động và bảo đảm cho cán bộ, chiến sĩ lên phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nhanh chóng, an toàn.

3. Địa điểm quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ là nhà, kho, bến, bãi, âu thuyền, cảng, trụ sở cơ quan hoặc địa điểm khác do người có thẩm quyền quyết định và phải bảo đảm điều kiện tương ứng theo quy định sau:

a) Nhà, kho, bãi để phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm an ninh, trật tự, có hệ thống thiết bị chiếu sáng, được trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy thông dụng, có mái che, tường bao quanh, bảo đảm khô ráo, thoáng khí, sạch sẽ. Bãi để phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngoài trời phải được bố trí mái che hoặc có các biện pháp phòng, chống mưa, nắng;

b) Bến, âu thuyền, cảng để phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm an ninh, trật tự, nội quy ra, vào, nội quy về bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy; đối với bến thủy nội địa ngoài việc đáp ứng các yêu cầu trên phải có thiết bị neo đậu phương tiện, có nội quy hoạt động ra, vào bến, sắp xếp, neo đậu phương tiện;

c) Xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, máy bơm chữa cháy phải được bố trí trong nhà; tàu, xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải được bố trí tại bến bãi bảo đảm yêu cầu hoạt động của phương tiện. Các phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khác phải được bố trí tại nhà, kho, bãi để phương tiện hoặc trong các khoang chứa phương tiện của xe chữa cháy, xe chuyên dùng và quản lý an toàn, bảo đảm thường trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

d) Xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, máy bơm chữa cháy và các phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khác chưa sử dụng phải được bảo quản trong kho hoặc nơi quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đáp ứng yêu cầu để quản lý, bảo quản đúng quy định theo từng chủng loại.

4. Nhà để xe, bến bãi để phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm điều kiện về bảo quản phương tiện theo quy định, thuận lợi cho cán bộ, chiến sĩ tiếp cận, lên phương tiện đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Nơi để phương tiện dự trữ phải bảo đảm thuận lợi cho việc đưa phương tiện ra sử dụng khi có lệnh điều động.

5. Thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ huy, điều hành các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại hiện trường phải bảo đảm thông suốt đến các đơn vị, bộ phận, khu vực sau:

a) Các đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; các đơn vị tham gia hỗ trợ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố;

b) Các khu vực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an tỉnh, Trung tâm thông tin chỉ huy 114, bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, tai nạn, sự cố của các đơn vị cấp Đội thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an cấp huyện;

d) Cán bộ, chiến sĩ được phân công làm nhiệm vụ thông tin liên lạc có trách nhiệm truyền đạt chính xác, kịp thời mệnh lệnh từ người chỉ huy đến chỉ huy các đơn vị tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổng hợp, theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị cho người chỉ huy.

6. Hậu cần, y tế phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm:

a) Nhiên liệu, vật tư, chất chữa cháy, phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Trang phục, thiết bị bảo hộ cá nhân, nhu yếu phẩm cần thiết cho cán bộ, chiến sĩ trong suốt quá trình chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Thuốc và các vật tư y tế cần thiết;

d) Sơ, cấp cứu kịp thời cho người bị nạn;

e) Chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ trong quá trình tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

**Chương IV**

**NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA LÃNH ĐẠO, CHỈ HUY, CÁN BỘ TRONG THỰC HIỆN KIỂM TRA VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY; THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY; TRỰC SẴN SÀNG CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

**Điều 18. Nhiệm vụ của lãnh đạo, chỉ huy phụ trách, cán bộ được phân công thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy**

1. Nhiệm vụ của Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Tham mưu với Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy;

b) Tham mưu tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy; kiểm tra nghiệp vụ cán bộ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy;

c) Thực hiện chế độ thông tin, thống kê, báo cáo và các nhiệm vụ khác do cấp trên phân công.

2. Nhiệm vụ của Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh:

a) Tham mưu với Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Giám đốc Công an cấp tỉnh) tổ chức công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản phục vụ quản lý về phòng cháy, chữa cháy chung cho địa bàn cấp tỉnh và tại địa bàn, cơ sở được phân cấp quản lý; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy cho đối tượng quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư này thuộc phạm vi quản lý;

b) Kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ kiểm tra, quản lý địa bàn, cơ sở của Công an cấp huyện;

c) Phân công cán bộ thuộc phạm vi quản lý thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, quản lý địa bàn, cơ sở;

d) Chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ kiểm tra thuộc phạm vi quản lý;

đ) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác do cấp trên phân công.

3. Nhiệm vụ của Trưởng Công an cấp huyện:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết gọn là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Giám đốc Công an cấp tỉnh tổ chức công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản phục vụ quản lý về phòng cháy, chữa cháy tại địa bàn, cơ sở được phân cấp quản lý;

b) Phân công cán bộ thuộc phạm vi quản lý thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, quản lý địa bàn, cơ sở;

c) Chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ kiểm tra và Công an cấp xã được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy thuộc phạm vi quản lý;

d) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác do cấp trên phân công.

4. Nhiệm vụ của Đội trưởng Đội Công tác phòng cháy thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh; Đội trưởng Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Đội trưởng Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (đối với Công an cấp huyện chưa thành lập Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ):

a) Tham mưu cho lãnh đạo trực tiếp tổ chức công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản phục vụ quản lý về phòng cháy, chữa cháy tại địa bàn, cơ sở được phân công quản lý;

b) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ kiểm tra thuộc phạm vi quản lý;

c) Trực tiếp thực hiện công tác kiểm tra phòng cháy, chữa cháy đối với địa bàn, cơ sở khi được phân công;

d) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác do cấp trên phân công.

5. Cán bộ được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh và Công an cấp huyện có nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu lãnh đạo trực tiếp tổ chức thực hiện công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản phục vụ quản lý về phòng cháy, chữa cháy tại địa bàn, cơ sở được phân công quản lý;

b) Thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản và công tác hồ sơ, thống kê nghiệp vụ phục vụ quản lý về phòng cháy, chữa cháy;

c) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Tham gia kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

đ) Thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo trình tự, thủ tục quy định; thực hiện, tham mưu xử lý vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

e) Theo dõi, đôn đốc việc khắc phục nguy cơ mất an toàn, vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

g) Huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

h) Hướng dẫn xây dựng, thực tập phương án chữa cháy của cơ sở;

i) Nắm tình hình, phối hợp hỗ trợ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra cháy tại địa bàn, cơ sở được phân công quản lý; thực hiện xác minh, giải quyết vụ cháy theo quy định của pháp luật;

k) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác do cấp trên phân công.

6. Nhiệm vụ của cán bộ được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy thuộc Công an cấp xã:

a) Tham mưu lãnh đạo trực tiếp tổ chức thực hiện công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản phục vụ quản lý về phòng cháy, chữa cháy tại địa bàn, cơ sở được phân công quản lý;

b) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Thực hiện, tham mưu kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo trình tự, thủ tục quy định, xử lý vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, theo dõi, đôn đốc việc khắc phục nguy cơ mất an toàn, vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở, nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh theo quy định được Ủy ban nhân dân cấp xã phân công.

Việc kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy có thể kết hợp với kiểm tra về an ninh, trật tự;

d) Nắm tình hình, phối hợp hỗ trợ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra cháy tại địa bàn, cơ sở được phân công quản lý;

đ) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác do cấp trên phân công.

**Điều 19. Nhiệm vụ của lãnh đạo, chỉ huy phụ trách, cán bộ được phân công thực hiện công tác thẩm định, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có nhiệm vụ:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

b) Tổ chức thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy theo phân cấp;

c) Chỉ đạo công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, thực hiện hợp tác quốc tế trong công tác bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư xây dựng;

d) Thực hiện các nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Công an giao hoặc ủy quyền.

2. Giám đốc Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ:

a) Chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý;

b) Chỉ đạo tổ chức công tác nắm tình hình, thu thập thông tin phục vụ công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

c) Chỉ đạo công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, thực hiện hợp tác quốc tế trong công tác bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư xây dựng.

3. Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này khi được Cục trưởng phân công.

4. Phó Giám đốc Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này khi được Giám đốc Công an cấp tỉnh phân công.

5. Trưởng phòng Phòng Thẩm định về phòng cháy và chữa cháy thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có nhiệm vụ:

a) Tham mưu với Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tổ chức công tác nắm tình hình, thu thập thông tin phục vụ công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

b) Phân công cán bộ thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

c) Chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý;

d) Nghiên cứu, đề xuất việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài về phòng cháy và chữa cháy ở Việt Nam;

đ) Phối hợp nghiên cứu, đề xuất về tổ chức, biên chế, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý;

e) Thực hiện chế độ thông tin, thống kê, báo cáo và các nhiệm vụ khác do cấp trên phân công.

6. Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ:

a) Chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổ chức công tác nắm tình hình, thu thập thông tin phục vụ công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

c) Tổ chức thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy theo phân cấp;

d) Nghiên cứu, đề xuất việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, thực hiện hợp tác quốc tế trong công tác bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư xây dựng;

đ) Thực hiện chế độ thông tin, thống kê, báo cáo và các nhiệm vụ khác do cấp trên phân công.

7. Phó Trưởng phòng Phòng Thẩm định về phòng cháy và chữa cháy thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 5 Điều này khi được Trưởng phòng phân công; Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 6 Điều này khi được Trưởng phòng phân công.

8. Đội trưởng Đội nghiệp vụ thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ:

a) Tham mưu tổ chức công tác nắm tình hình, thu thập thông tin phục vụ công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo phạm vi được phân công phụ trách;

b) Tổ chức thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy được phân công;

c) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ thực hiện công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý;

d) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác do cấp trên phân công.

9. Phó Đội trưởng đội nghiệp vụ thực hiện công tác thẩm định thiết kế nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 8 Điều này theo sự phân công của Đội trưởng.

**Điều 20. Trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ trong ca trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

1. Trực chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của người chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật; các nguyên tắc, phương pháp, biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phương án, kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; quân số thường trực, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ; số lượng, chủng loại, tính năng, tác dụng của các loại phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tình hình, đặc điểm, tính chất nguy hiểm cháy, nổ của các cơ sở trên địa bàn quản lý;

b) Tổ chức giao, nhận ca trực và kiểm tra trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng, phương tiện trong ca trực;

c) Tổ chức các hoạt động khác của đơn vị theo chương trình, kế hoạch công tác.

2. Trách nhiệm cán bộ, chiến sĩ trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ:

a) Quản lý và sử dụng thành thạo các thiết bị thông tin liên lạc; hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo cháy;

b) Tiếp nhận, ghi chép đầy đủ thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ vào sổ tiếp nhận thông tin báo cháy, tai nạn, sự cố theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này;

c) Xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ:

Cán bộ, chiến sĩ trực tại Trung tâm thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh, Trung tâm thông tin chỉ huy 114 khi tiếp nhận thông tin báo cháy, tai nạn, sự cố thực hiện theo quy định sau: xác định rõ địa chỉ nơi xảy ra cháy, sự cố, tai nạn và nhanh chóng phát lệnh báo động đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; báo cáo trực chỉ huy đơn vị, nhận và truyền đạt lệnh điều động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của chỉ huy đơn vị đến các bộ phận có liên quan; chuyển phiếu chiến thuật chữa cháy cho đơn vị đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (khi đơn vị thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được bố trí cùng địa điểm với Trung tâm thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh, Trung tâm thông tin chỉ huy 114).

Cán bộ, chiến sĩ trực tại bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin của các đơn vị cấp Đội thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an cấp huyện khi tiếp nhận thông tin báo cháy, tai nạn, sự cố thực hiện theo quy định sau: xác định rõ địa chỉ nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố (nếu tiếp nhận thông tin trực tiếp) và nhanh chóng phát lệnh báo động đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; báo cáo trực chỉ huy đơn vị, nhận và truyền đạt lệnh điều động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của chỉ huy đơn vị đến các bộ phận có liên quan; chuyển phiếu chiến thuật chữa cháy cho người được phân công đi chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (sau đây gọi chung là chỉ huy đơn vị đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ);

d) Sau khi đã điều động lực lượng, phương tiện của đơn vị đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

Kiểm tra, đánh giá tính xác thực của thông tin nhận được và cập nhật những thông tin mới có liên quan đến đám cháy, tai nạn, sự cố để kịp thời thông báo cho lực lượng đang đến đám cháy, tai nạn, sự cố; đồng thời báo cáo và nhận lệnh từ trực chỉ huy đơn vị.

Thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị sau: Cơ quan y tế để cấp cứu người bị nạn (nếu có); cơ quan điện lực để ngừng cung cấp điện nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố; đơn vị cấp nước để phục vụ chữa cháy (nếu có); Công an cấp huyện, Công an xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Công an cấp xã) nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và các đơn vị nghiệp vụ có liên quan để tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm an ninh, trật tự, điều tiết giao thông, bảo vệ hiện trường và điều tra nguyên nhân vụ cháy, tai nạn, sự cố; cơ quan, đơn vị khác có trách nhiệm tham gia, hỗ trợ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi có lệnh của người chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (sau đây gọi chung là người chỉ huy).

Báo cáo Trung tâm thông tin chỉ huy 114 trong trường hợp bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin của các đơn vị cấp Đội thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an cấp huyện trực tiếp nhận được thông tin báo cháy, tai nạn, sự cố;

đ) Tổng hợp tình hình và chuyển trực ban đơn vị để báo cáo thông tin vụ việc cho cơ quan cấp trên theo quy định;

e) Trường hợp thông tin về vụ cháy, tai nạn, sự cố không thuộc phạm vi địa bàn được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cán bộ, chiến sĩ trực tại bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, tai nạn, sự cố có trách nhiệm nhanh chóng thông báo thông tin tiếp nhận được cho đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; đồng thời, báo cáo chỉ huy đơn vị để điều động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nếu khoảng cách từ nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố đến đơn vị ngắn hơn đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc sẵn sàng tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu chi viện, hỗ trợ.

3. Trách nhiệm cán bộ, chiến sĩ trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Phải thường xuyên có mặt tại trụ sở doanh trại; khi có lệnh báo động phải nhanh chóng mặc trang phục, mang đủ thiết bị bảo hộ cá nhân, lên phương tiện thường trực và nổ máy sẵn sàng xuất phát, chờ lệnh của người chỉ huy.

Thời gian cán bộ, chiến sĩ lên phương tiện và nổ máy sẵn sàng xuất phát kể từ khi có lệnh báo động: Đối với phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ giới đường bộ không quá 90 giây; đối với tàu, xuồng, ca nô không quá 180 giây;

b) Nắm vững chức trách, nhiệm vụ được giao trong ca trực; thuần thục các kỹ thuật cá nhân, đội hình chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; sử dụng thành thạo phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được giao quản lý trong ca trực; lái xe, lái tàu phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về giao thông và bảo đảm an toàn cho cán bộ, chiến sĩ;

c) Kiểm tra tình trạng hoạt động và bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thường xuyên hằng ngày hoặc trước, trong và sau mỗi lần sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được giao quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng.

Trường hợp phát hiện phương tiện không sử dụng được hoặc cần bổ sung, thay thế phải báo cáo trực chỉ huy để bổ sung, thay thế hoặc khắc phục kịp thời;

d) Trong thời gian tham gia các hoạt động học tập, tập luyện, thực tập phương án phải bảo đảm sẵn sàng đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi có lệnh;

đ) Thực hiện đầy đủ việc ghi chép các loại sổ sách và các nhiệm vụ khác được chỉ huy, cấp trên giao; tham gia giao, nhận ca trực đầy đủ theo quy định.

**Điều 21. Trách nhiệm kiểm tra công tác trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra đột xuất công tác trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo hệ lực lượng hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình khi cần thiết.

2. Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh, Trưởng Công an cấp huyện thực hiện kiểm tra định kỳ công tác trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ không quá 03 tháng một lần, kiểm tra đột xuất công tác trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý của mình khi cần thiết.

3. Đội trưởng, Phó Đội trưởng Đội Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an cấp huyện kiểm tra thường xuyên công tác trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi quản lý của mình hoặc kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

**Chương V**

**QUY TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ**

**Điều 22. Kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy**

1. Ban hành kế hoạch kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy:

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về phòng cháy, chữa cháy chuyên đề hoặc văn bản chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền;

b) Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh, Trưởng Công an cấp huyện căn cứ kế hoạch kiểm tra hoặc văn bản chỉ đạo của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục IX kèm theo Thông tư này đối với các đối tượng kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi được phân công, phân cấp quản lý.

Kế hoạch kiểm tra được lập theo từng cơ sở hoặc tháng hoặc quý hoặc năm và được điều chỉnh khi cần thiết.

2. Kiểm tra định kỳ về phòng cháy, chữa cháy:

a) Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng Công an cấp xã quyết định thành lập đoàn hoặc phân công cán bộ thực hiện kiểm tra; thông báo bằng văn bản trước 03 ngày làm việc cho đối tượng kiểm tra và cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có);

b) Trưởng đoàn hoặc cán bộ được phân công thực hiện kiểm tra giới thiệu thành phần đoàn, thông báo nội dung, hình thức kiểm tra;

c) Tổ chức kiểm tra theo các nội dung theo quy định phù hợp với từng đối tượng kiểm tra;

d) Lập biên bản kiểm tra; Biên bản kiểm tra được lập ít nhất 02 bản và giao cho đối tượng kiểm tra 01 bản, lưu hồ sơ 01 bản và giao đơn vị có liên quan 01 bản (nếu có); trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm về phòng cháy, chữa cháy thuộc trách nhiệm quản lý, tiến hành buộc chấm dứt hành vi vi phạm, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trường hợp, phát hiện vi phạm về phòng cháy, chữa cháy thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan quản lý khác, cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm thông báo đến cơ quan đó để yêu cầu khắc phục, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm tra đột xuất về phòng cháy, chữa cháy:

a) Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng Công an cấp xã phân công và ký giấy giới thiệu cho đoàn hoặc cán bộ thực hiện kiểm tra đột xuất;

b) Trưởng đoàn hoặc cán bộ được phân công thực hiện kiểm tra phải giới thiệu thành phần đoàn, thông báo rõ lý do, nội dung, hình thức kiểm tra và gửi giấy giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra;

c) Tổ chức kiểm tra theo các nội dung vi phạm hoặc dấu hiệu vi phạm hoặc đơn khiếu nại, tố cáo của tổ chức hoặc cá nhân về vi phạm pháp luật liên quan đến phòng cháy, chữa cháy thuộc trách nhiệm quản lý hoặc các nội dung theo quy định;

d) Thực hiện nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

4. Xử lý kết quả sau khi kiểm tra:

a) Trưởng đoàn kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp kết quả kiểm tra theo Mẫu số… quy định tại Phụ lục…ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo biên bản kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp xử phạt không lập biên bản, biên bản vi phạm hành chính (nếu có);

b) Lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp quản lý xem xét kết quả kiểm tra và chỉ đạo đơn vị, cán bộ thực hiện thủ tục xử phạt vi phạm hành chính; kiến nghị, đôn đốc việc khắc phục vi phạm đối với đối tượng kiểm tra và các ý kiến chỉ đạo khác (nếu có).

**Điều 23. Thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy**

1. Về hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (sau đây viết gọn là Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) hoặc thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, cán bộ tiếp nhận hồ sơ lập và ghi đầy đủ thông tin vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân (sau đây viết gọn là Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ) ban hành kèm theo Thông tư này, báo cáo người có thẩm quyền trực tiếp quản lý phê duyệt và bàn giao hồ sơ đến đơn vị, bộ phận được giao giải quyết, trừ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

3. Lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, bộ phận được phân công thực hiện công tác thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phân công cán bộ thực hiện bằng Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BCA hoặc trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an.

4. Cán bộ được phân công giải quyết hồ sơ có trách nhiệm nghiên cứu, đối chiếu hồ sơ đã tiếp nhận với các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy và thực hiện các bước sau:

a) Dự thảo Giấy chứng nhận thẩm định t thiết kế về phòng cháy và chữacháy hoặc văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản thông báo nộp phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (nếu có), báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và điểm g mục 1 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c, d, đ mục 1 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

Trường hợp đề xuất từ chối giải quyết hồ sơ: Dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, e và điểm g mục 1 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c, e mục 1 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Sau khi Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được định, ký, thực hiện lấy số, đóng dấu văn bản theo quy định, đóng dấu đã thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

c) Bàn giao Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy kèm theo hồ sơ được đóng dấu “Đã thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy” và văn bản thông báo nộp phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (nếu có) hoặc văn bản trả lời kèm theo hồ sơ đã nộp trước đó cho bộ phận trả kết quả.

5. Lập và lưu trữ hồ sơ thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

Đối với tệp tin (file) bản chụp hoặc bản sao hồ sơ được đóng dấu “Đã thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy” do chủ đầu tư nộp lại thì đơn vị, bộ phận được giao nhiệm vụ thực hiện công tác thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm lưu trữ để phục vụ khai thác khi kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

**Điều 24. Kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy**

1. Về hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP hoặc thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ lập và ghi đầy đủ thông tin vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư này, báo cáo người có thẩm quyền trực tiếp quản lý phê duyệt và bàn giao hồ sơ đến đơn vị, bộ phận được giao giải quyết, trừ trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

3. Lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, bộ phận được phân công thực hiện công tác kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy phân công cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bằng Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BCA hoặc trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an.

4. Cán bộ được phân công giải quyết hồ sơ thực hiện các bước sau:

a) Đề xuất nội dung, thời gian, thành phần đoàn kiểm tra, dự thảo kế hoạch kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, dự thảo văn bản thông báo cho chủ đầu tư, chủ phương tiện và các đơn vị có liên quan, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký và thông báo cho chủ đầu tư, chủ phương tiện giao thông cơ giới và cơ quan, đơn vị có liên quan;

b) Khi thực hiện kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, cán bộ, chiến sĩ thực hiện các công việc bao gồm: giới thiệu thành phần đoàn kiểm tra, thông báo nội dung, kế hoạch kiểm tra liên quan đến công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về phòng cháy và chữa cháy; tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo nội dung theo quy định;

c) Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu, dự thảo văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký trong trường hợp đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d và điểm e mục 2 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c, d mục 2 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

Trong trường hợp không đạt yêu cầu thì dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, đ và điểm e mục 2 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c, đ mục 2 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

d) Sau khi văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời được duyệt, ký, thực hiện lấy số, đóng dấu văn bản theo quy định;

đ) Bàn giao văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời cho bộ phận trả kết quả.

5. Lập và lưu trữ hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

**Điều 25. Cấp phép phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**

1. Hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số [01/2018/TT-VPCP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-01-2018-tt-vpcp-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong-trong-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-400735.aspx" \t "_blank) hoặc thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ lập và ghi đầy đủ thông tin vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, báo cáo người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký và bàn giao hồ sơ đến đơn vị, bộ phận được giao giải quyết, trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến theo quy định.

3. Lãnh đạo, chỉ huy đơn vị được phân công thực hiện cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy phân công cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bằng Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ hoặc thực hiện phân công trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an.

4. Cán bộ, chiến sĩ được phân công giải quyết hồ sơ thực hiện các bước sau:

a) Kiểm tra thành phần hồ sơ, tính pháp lý và sự phù hợp của các tài liệu có trong hồ sơ theo quy định;

b) Căn cứ kết quả kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, dự thảo Giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký gồm: báo cáo kết quả kiểm tra, đối chiếu hồ sơ; dự thảo Giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp Giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: Dự thảo văn bản trả lời về kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy Giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký. Thành phần hồ sơ trình ký gồm: báo cáo kết quả kiểm tra, đối chiếu hồ sơ; dự thảo văn bản trả lời về kết quả giải quyết hồ sơ;

c) Sau khi hồ sơ được người có thẩm quyền trực tiếp quản lý duyệt, ký, thực hiện lấy số, đóng dấu văn bản theo quy định;

d) Bàn giao kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho bộ phận trả kết quả;

5. Lập và lưu trữ, số hóa hồ sơ cấp Giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

**Điều 26. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với trường hợp không lập biên bản**

Xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp không lập biên bản thực hiện theo các bước sau:

1. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 55 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

2. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền theo Mẫu quyết định số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết gọn là Nghị định số 118/2021/NĐ-CP).

3. Thi hành quyết định xử phạt không lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 69 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không chấp hành quyết định xử phạt thì căn cứ quy định tại các điều 86, 87 và Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 để tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

4. Lập và lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

**Điều 27. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với trường hợp có lập biên bản**

Xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp có lập biên bản thực hiện theo các bước sau:

1. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 55 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

2. Lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và theo Mẫu biên bản số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

Trường hợp vụ việc vi phạm có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu thì báo cáo người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo Mẫu quyết định số 20 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và tổ chức thực hiện việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

3. Lập hồ sơ vụ việc vi phạm báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp quản lý tham mưu với người có thẩm quyền giao thực hiện hoặc đề xuất người có thẩm quyền chuyển hồ sơ đến đơn vị, bộ phận được giao giải quyết.

4. Lãnh đạo, chỉ huy đơn vị được phân công giải quyết hồ sơ phân công cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ bằng Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Cán bộ, chiến sĩ được phân công giải quyết hồ sơ thực hiện các bước sau:

a) Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính nếu có các tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020; điền các thông tin vào Mẫu biên bản số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP; xác định thẩm quyền xử phạt (nếu có);

b) Căn cứ hồ sơ vụ việc vi phạm và kết quả thực hiện nội dung tại điểm a khoản 5 Điều này: Dự thảo quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Mẫu quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP nếu vụ việc thuộc thẩm quyền xử phạt.

Trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt: Dự thảo các văn bản sau đây để báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền duyệt, ký: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Mẫu quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP; Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo Mẫu quyết định số 14 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (nếu có) hoặc Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Mẫu quyết định số 15 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP trong trường hợp không ra quyết định xử phạt theo quy định (nếu có). Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại mục 9 Phụ lục danh mục thành phần hồ sơ trình ký ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Sau khi quyết định xử phạt, quyết định tịch thu tang vật vi phạm hành chính (nếu có), quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) được duyệt, ký: Thực hiện lấy số, lấy dấu theo quy định;

d) Gửi quyết định xử phạt, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có), quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) cho cá nhân, tổ chức vi phạm theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

6. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, người có thẩm quyền xử phạt đã ra quyết định xử phạt có trách tổ chức thi hành quyết định xử phạt, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có), quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có); phân công cán bộ, chiến sĩ theo dõi việc thi hành quyết định của cá nhân, tổ chức vi phạm.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 để tổ chức tiến hành cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

7. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến đề nghị xử phạt đối với những vụ cháy, nổ thì thực hiện theo các bước sau:

a) Lãnh đạo, chỉ huy phân công cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính và xem xét thành phần hồ sơ do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ đề nghị bổ sung hồ sơ;

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ lập và ghi đầy đủ thông tin vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện các nhiệm vụ sau:

Xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp chưa đủ căn cứ để đề xuất việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì tham mưu với lãnh đạo, chỉ huy đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp quản lý để có ý kiến chỉ đạo.

Trường hợp đã xác định và thống nhất về các dấu hiệu vi phạm hành chính trong hồ sơ thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Dự thảo văn bản thông báo kết quả giải quyết hồ sơ, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền duyệt, ký gửi cho đơn vị đã chuyển hồ sơ trước đó bảo đảm thời gian theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 55/2020/TT-BCA ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết vụ cháy, nổ của lực lượng Công an nhân dân.

8. Lập và lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

**Điều 28. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**

1. Đối với biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 được thực hiện như sau:

a) Xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sau đây viết gọn là Nghị định số 166/2013/NĐ-CP);

b) Căn cứ kết quả xác minh, dự thảo Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập theo Mẫu quyết định số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền duyệt, ký.

Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại điểm a, b và điểm i mục 9 Phụ lục danh mục thành phần hồ sơ trình ký ban hành kèm theo Thông tư này;

c)Sau khi Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập được duyệt, ký: Thực hiện lấy số, lấy dấu theo quy định;

d) Gửi Quyết định cưỡng chế cho tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế và tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP;

đ) Theo dõi việc thi hành Quyết định cưỡng chế đến khi nhận được thông báo của cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhậpcủa cá nhân bị cưỡng chế hoặc nơi trả bảo hiểm xã hội cho cá nhân bị cưỡng chế và của Kho bạc Nhà nước về việc cá nhân bị cưỡng chế đã thi hành xong quyết định cưỡng chế.

2. Đối với biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 được thực hiện như sau:

a) Xác minh thông tin về tài khoản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP;

b) Căn cứ kết quả xác minh, dự thảo Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản theo Mẫu quyết định số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền duyệt, ký;

Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, c và điểm i mục 9 Phụ lục danh mục thành phần hồ sơ trình ký ban hành kèm theo Thông tư này;

c)Sau khi Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản được duyệt, ký: Thực hiện lấy số, lấy dấu theo quy định;

d) Gửi Quyết định cưỡng chế đến cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP;

đ) Theo dõi việc thi hành quyết định cưỡng chế đến khi nhận thông báo của Kho bạc Nhà nước nơi nhận tiền khấu trừ về việc cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế đã thực hiện quyết định cưỡng chế.

3. Đối với biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 được thực hiện như sau:

a) Lập dự trù chi phí cưỡng chế theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 05/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền cưỡng chế duyệt, ký gửi cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế;

b) Xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 166/2013/NĐ-CPvà ghi thông tin vào biên bản xác minh theo Mẫu biên bản số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

c) Căn cứ kết quả xác minh, dự thảo Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng số tiền phạt theo Mẫu quyết định số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và văn bản thông báo việc kê biên tài sản (trừ trường hợp việc thông báo sẽ gây trở ngại cho việc tiến hành kê biên) báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền duyệt, ký.

Dự thảo văn bản đề nghị cơ quan Cảnh sát cơ động, Cảnh sát bảo vệ cùng cấp trong trường hợp có yêu cầu về bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế theo quy định, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền duyệt, ký.

Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại điểm a, d, g, h và điểm i mục 9 Phụ lục danh mục thành phần hồ sơ trình ký ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Sau khi Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản, văn bản thông báo việc kê biên tài sản, văn bản đề nghị cơ quan Cảnh sát cơ động, Cảnh sát bảo vệ (nếu có) được duyệt, ký: Thực hiện lấy số, lấy dấu theo quy định;

đ) Gửi quyết định cưỡng chế cho đối tượng bị cưỡng chế và tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 5 và Điều 21 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP; thông báo việc kê biên tài sản cho cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP; trường hợp đề nghị cho cơ quan Cảnh sát cơ động, Cảnh sát bảo vệ cùng cấp tham gia bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế thì thực hiện việc thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP;

e) Tổ chức thi hành cưỡng chế kê biên tài sản theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP. Kết quả cưỡng chế được ghi trong Mẫu biên bản số 12 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

g) Báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp tham mưu với người có thẩm quyền xử lý tài sản thu được từ kê biên theo quy định tại các điều 24, 25 và Điều 26 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

4. Đối với biện pháp cưỡng chế thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 được thực hiện như sau:

a) Xác minh thông tin về tài sản do bên thứ ba đang giữ của đối tượng bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 166/2013/NĐ-CPvà ghi thông tin vào biên bản xác minh theo Mẫu biên bản số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

b) Căn cứ kết quả xác minh, dự thảo Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo Mẫu quyết định số 10 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền duyệt, ký;

Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại điểm a, đ, g, h và điểm i mục 9 Phụ lục danh mục thành phần hồ sơ trình ký ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Sau khi Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được duyệt, ký: Thực hiện lấy số, lấy dấu theo quy định;

d) Gửi Quyết định cưỡng chế đến cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP;

đ) Tổ chức thi hành Quyết định cưỡng chế theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP. Kết quả cưỡng chế được ghi trong Mẫu biên bản số 10 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

5. Đối với biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 được thực hiện như sau:

a) Dự thảo Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Mẫu quyết định số 11 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và văn bản thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức cưỡng chế, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi tổ chức cưỡng chế) cử đại diện tham gia, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp để trình người có thẩm quyền duyệt, ký;

Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại điểm a, e, g và điểm h mục 9 Phụ lục danh mục thành phần hồ sơ trình ký ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sau khi Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, văn bản thông báo được duyệt, ký: Thực hiện lấy số, lấy dấu theo quy định;

c) Gửi Quyết định cưỡng chế đến cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP và văn bản thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi tổ chức cưỡng chế) theo quy định;

d) Tổ chức thi hành cưỡng chế theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP. Kết quả cưỡng chế được ghi trong Mẫu biên bản số 11 ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

6. Hồ sơ cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ là thành phần của hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và được lập, lưu trữ theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

**Điều 29. Bảo quản phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

Phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện hằng ngày hoặc trước, trong và sau mỗi lần sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và do cán bộ, chiến sĩ được giao quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo các bước sau:

1. Kiểm tra và thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy và môi trường bên trong và bên ngoài khu vực nhà, kho, nơi bảo quản phương tiện.

2. Kiểm đếm số lượng và sắp xếp phương tiện gọn gàng bảo đảm đúng vị trí bảo quản, lưu trữ theo quy định.

3. Kiểm tra và làm sạch bề mặt các chi tiết của phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của phương tiện bằng phương pháp trực quan để kịp thời phát hiện hư hỏng.

5. Thực hiện khởi động và bổ sung nhiên liệu, nạp năng lượng cho phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Báo cáo kết quả kiểm tra công tác bảo quản phương tiện.

**Điều 30. Bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

1. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện hằng ngày hoặc trước, trong và sau mỗi lần sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và do cán bộ, chiến sĩ được giao quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo các bước sau:

a) Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của phương tiện bằng phương pháp trực quan;

b) Kiểm tra hoạt động của phương tiện: Khởi động phương tiện (kết hợp với quy trình bảo quản phương tiện), vận hành và kiểm tra tính năng kỹ thuật của toàn bộ các hệ thống trên phần xe nền và hệ thống chuyên dùng;

c) Đánh giá chất lượng, tình trạng kỹ thuật của phương tiện;

d) Tiến hành công tác bảo dưỡng theo quy định tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI kèm theo Thông tư này.

2. Bảo dưỡng định kỳ được thực hiện định kỳ hằng tháng, hằng quý và hằng năm tại nơi bảo quảnphương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc cơ sở bảo dưỡng theo đúng quy định của nhà sản xuất và do người có chuyên môn phù hợp thực hiện theo các bước sau:

a) Kiểm tra tình trạng kỹ thuật chung của phương tiện;

b) Tổ chức đánh giá chi tiết chất lượng phương tiện;

c) Áp dụng quy định của nhà sản xuất về cấp bảo dưỡng, sửa chữa và tình hình thực tế tại cơ sở để có phương án bảo dưỡng phù hợp đối với từng loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Kết thúc việc bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ, cán bộ, chiến sĩ được giao quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đánh giá, xác nhận và ghi đầy đủ vào sổ theo dõi phương tiện theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư này.

**Chương VI**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 31. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành và Thông tư số 55/2024/TT-BCA ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân; Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành; Thông tư số 82/2021/TT-BCA ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thông tư số 06/2022/TT-BCA ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.3. Các văn bản quy phạm pháp luật, điều khoản của văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn được trích dẫn trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung trích dẫn cũng được điều chỉnh và thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

**Điều 32. Trách nhiệm thi hành**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, tổ chức, cơ sở, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Đề nghị Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Công an trong việc trang bị, quản lý, kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan, tổ chức, cơ sở do bộ, ngành, địa phương mình quản lý.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) để kịp thời hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;  - Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - Công báo;  - Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;  - Lưu: VT, V03, C07. | **BỘ TRƯỞNG** |